TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VÀ QUYỀN CON NGƯỜI

Hoàng Trần Như Ngọc[1]

[1] Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế.
Email: nhungoc.husc@gmail.com

Nhận ngày 7 tháng 1 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 1 năm 2018.

Tóm tắt: Hồ Chí Minh quan niệm chủ quyền quốc gia là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Các dân tộc đều có quyền bình đẳng, không ai được phép xâm phạm quyền thiêng liêng ấy. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã dẫn dắt cả dân tộc Việt Nam đấu tranh không ngừng để giành, giữ và củng cố vững chắc quyền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia thiêng liêng và bất khả xâm phạm đó. Điều đáng chú ý là trong tư tưởng của Người, chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với quyền con người, quyền được sống, được mưu cầu hạnh phúc của nhân dân lao động. Đây là chiếc chìa khóa, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập tự do, chủ quyền quốc gia và quyền con người.

Từ khóa: Chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, giải phóng, quyền con người.

Quyền con người và chủ quyền quốc gia là hai vấn đề có mối quan hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết, không thể tách rời, có tác động bổ trợ qua lại lẫn nhau trong quá trình vận động và phát triển của lịch sử, xã hội. Quyền con người không thể tách rời chủ quyền quốc gia, tách rời quyền dân tộc tự quyết, độc lập dân tộc. Trong lịch sử, quyền con người và chủ quyền quốc gia là những lĩnh vực nổi trội của các cuộc đấu tranh giai cấp, đặc biệt là từ thời cận đại đến nay. Ở Việt Nam Hồ Chí Minh là người đầu tiên đưa ra quan điểm đúng đắn và sâu sắc về chủ quyền quốc gia và quyền con người.

Trên thế giới từng có quan điểm sai lầm cho rằng, "nhân quyền cao hơn chủ quyền" [12; tr.74] và các nước tư bản phát triển đã lợi dụng quan điểm này như một cái cớ để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác và vi phạm chủ quyền quốc gia đó. Nhưng quyền con người vừa mang tính toàn cầu, vừa mang tính khu vực và mang bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia. Vì vậy, không thể áp đặt tiêu chí về quyền con người của một quốc gia này cho các quốc gia khác. Hàng rào chủ quyền quốc gia ngăn cản mọi sự áp đặt vô lý đó. Nếu một quốc gia hoặc một giai cấp nào đó tự coi mình là đại diện cho nhân quyền toàn nhân loại, lấy quan điểm "nhân quyền cao hơn chủ quyền" hay "nhân quyền không biên giới" làm cơ sở để can thiệp vào nội bộ các quốc gia độc lập, có chủ quyền là sự vi phạm nghiêm trọng đáng phê phán. Tôn trọng chủ quyền của các quốc gia cũng có nghĩa là tôn trọng những giá trị về nhân

quyền của quốc gia đó. Một quốc gia không có hay chưa có chủ quyền dân tộc thì không thể nói đến quyền con người, đến các "quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc" của người dân. Không thể có con người với ý nghĩa đầy đủ, nếu con người đó tách hoàn toàn khỏi xã hội. Cùng với sự phát triển của mình, xã hội ngày càng có ý nghĩa lớn đối với việc bảo đảm những điều kiện sống bình thường của con người, bảo đảm nhu cầu ngày càng cao của con người. Do vậy, không thể đặt nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rất đúng đắn trong quá trình tìm đường cứu nước của mình: Chỉ có thể thông qua cách mạng giải phóng dân tộc, đem lại độc lập dân tộc thì mới giải quyết được căn bản vấn đề quyền con người. Ở đây, không thể có cái gọi là "Nhân quyền cao hơn chủ quyền", mà chỉ là sự thống nhất giữa quyền con người và chủ quyền quốc gia. Với thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc, nhân dân Việt Nam từ chỗ là những người nô lệ, bị mất nước đã thực sự trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của chính mình. Rõ ràng, nếu một quốc gia mất chủ quyền thì nhân dân ở quốc gia đó cũng không có quyền con người, việc bảo đảm quyền con người chỉ có được trong các quốc gia thực sự có chủ quyền.

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh luôn hiến dâng vì nhân dân, vì dân tộc, vì nhân loại, vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người. Chính vì vậy, vấn đề độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và quyền con người luôn được Người quan tâm và giải quyết một cách đúng đắn, triệt để. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập, tự do của dân tộc không tách rời với quyền con người, quyền được sống, được mưu cầu hạnh phúc. Nhưng muốn có quyền con người thực sự thì trước hết phải giành được độc lập, tự do cho dân tộc; phải giải phóng con người thoát khỏi gông cùm nô lệ, áp bức. Người khẳng định chắc chắn một điều rằng, một dân tộc nô lệ không thể có con người tự do. Luận điểm nổi tiếng của Người thể hiện rõ tính thống nhất, biện chứng, không thể tách rời giữa quyền con người, quyền công dân và quyền dân tộc chính là: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu" [11, tr.53]. Hay lý tưởng cao đẹp của Người: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" [6, tr.187], cũng thể hiện sâu sắc tính thống nhất không thể tách rời của độc lập - tự do và hạnh phúc, của chủ quyền quốc gia và quyền con người. Độc lập và tự do cho dân tộc là hạt nhân cốt lõi của vấn đề giải phóng con người. Người luôn gắn chặt sự phát triển tự do cá nhân với phát triển tự do của cộng đồng dân tộc, đồng thời đó cũng là một bước để giải phóng cá nhân. Con người chỉ có thể phát triển tự do đầy đủ khi và chỉ khi xã hội được giải phóng khỏi mọi hình thức bóc lột, áp bức. Và, Người đưa ra tư tưởng "Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Độc lập" [6, tr.511] là sự kết hợp các giá trị cơ bản của quyền con người với giá trị của dân tộc, chủ quyền quốc gia; đồng thời khẳng định đây là ý nguyện của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

Ở Việt Nam, mấy ngàn năm lịch sử của dân tộc là mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ quốc là giá trị vô cùng thiêng liêng đối với mỗi người dân Việt. Chỉ khi nào Tổ quốc được độc lập, chủ quyền quốc gia được bảo vệ thì mới có hạnh phúc của mỗi con người, quyền của mỗi người dân mới được đảm bảo. Chủ quyền quốc gia và quyền con người có mối quan hệ khăng khít, bền chặt, biện chứng, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều này đã được Hồ Chí Minh vận dụng một cách tài tình trong sự nghiệp cách mạng của Người.

Ngay từ năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được Nguyễn Ái Quốc gửi đến đoàn đại biểu các nước đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, Người đã đòi hỏi cho nhân dân và dân tộc Việt Nam được hưởng các quyền tự do, bình đẳng và tự quyết như nhân dân và các dân tộc khác. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người sớm nêu ra luận điểm về sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Hồ Chí Minh khẳng định: "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới" [3, tr.441]. Cách mạng Việt Nam phải được tiến hành triệt để, đưa tới sự giải phóng dân tộc, giải phóng cá nhân, giải phóng xã hội và xác lập vai trò làm chủ xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đem lại quyền tự do, hạnh phúc cho mọi người. Năm 1926, trong bản yêu sách gửi Hội Vạn quốc, Hồ Chí Minh đã đề nghị: "Nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi... sắp đặt một nền Hiến pháp về phương diện chính trị và xã hội theo những lý tưởng dân quyền" [10, tr.278].

Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945, Hồ Chí Minh đã trích dẫn những lời bất hủ trong *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa Kỳ năm 1776 và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791 về những chân lý về quyền con người. Đó là những quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, những quyền bất khả xâm phạm của con người. Những quyền ấy của con người được coi là chân lý vĩnh cửu, không chỉ gắn với từng cá nhân mà còn gắn với cả dân tộc như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã suy rộng ra và long trọng tuyên bố: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do" [6, tr.1]. Đây là bước phát triển vượt bậc trong lý luận về quyền con người cũng như của luật quốc tế về quyền con người khi lần đầu tiên trong lịch sử, khái niệm quyền sống, quyền tự do của các dân tộc đã được đồng nhất với quyền sống, quyền tự do của con người. Bản Tuyên ngôn là sự thống nhất biện chứng giữa quyền con người với quyền dân tộc tự quyết; giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại; là sự thống nhất giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Ngày nay, quyền dân tộc cơ bản bao gồm quyền được tồn tại (quyền sống), độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đã trở thành một phạm trù phổ quát của luật quốc tế hiện đại. Với thế giới quan khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng về lịch sử và xã hội loài người, Hồ Chí Minh đã nâng vấn đề quyền tự nhiên của con người lên một

tầm cao mới về chất, phản ánh chân thực quá trình lịch sử và thực tiễn tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam cũng như thực tiễn của các dân tộc bị nô dịch và áp bức trên toàn thế giới. Hơn thế, Người còn khẳng định những đặc tính hiển nhiên của quyền các dân tộc là "tự nhiên", "cố hữu" và "bất khả xâm phạm".

Thực tế lịch sử cho thấy, khi mất nước thì mọi người dân không có quyền con người mà chỉ là những người "vong quốc nô". Chính Hồ Chí Minh đã rất đau xót khi phải thốt lên rằng, "thân phận người An Nam chỉ là thân phận người nông nô"; "chúng tôi chẳng có quyền gì cả, trừ quyền đóng thuế cho "mẫu quốc" Pháp, cho bọn chủ bản xứ... Chúng tôi đã đau khổ nhiều và chúng tôi còn phải đau khổ nữa. Những người "khai hoá" các nước chúng tôi không để chúng tôi tự do" [3, tr.461, 467]. Trong tác phẩm *Đông Dương*, Người đã lên án thực dân Pháp: "Chưa có bao giờ ở một thời đại nào, ở một nước nào, người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách độc ác, trơ tráo đến thế" [3, tr.406]. Đặc biệt, tác phẩm nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xem là sách trắng về tội ác vi phạm quyền con người của chủ nghĩa thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân các dân tộc thuộc địa sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Với những bằng chứng cụ thể, những con số rõ ràng, Hồ Chí Minh đã lên án một cách đanh thép, lôgíc và hệ thống tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam, từ cưỡng bức ruộng đất, hầm mỏ, "đẻ" ra hàng loạt thứ thuế, đến đầu độc nhân dân bằng rượu cồn và thuộc phiện, ép buộc người dân đi lính làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh xâm lược bẩn thỉu của chúng. Người cũng đã vạch trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của những kẻ nhân danh, lợi dụng ngọn cờ tự do, bình đẳng, bác ái, quyền con người để đi áp bức, chà đạp lên đời sống của các dân tộc khác; chỉ rõ các tập đoàn thống trị ở các nước đế quốc lớn đang bóp nghẹt những quyền tự do căn bản nhất của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, trong lúc chúng lại nêu khẩu hiệu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" trong nhà tù và những nơi tra khảo. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã tổng kết khái quát rằng: Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và phong kiến, quyền sống tối thiểu của mỗi người dân Việt Nam đều không được đảm bảo nói gì đến các quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội:

"Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cồn, để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế - Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta được giầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn" [6, tr.1-2].

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin để giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và quyền con người phải thông qua đấu tranh cách mạng mới giành lại được. Năm 1925 trong bản dịch Quốc tế ca, ở đoạn III, Người viết:

"Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật chẳng nhờ thần linh.
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai" [4, tr.502].

Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa quyền con người vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mỗi quốc gia và giai cấp nhất định; chỉ ra con đường hiện thực nó một cách khoa học, đó là tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng để giải phóng khỏi cái hiện thực đang nô dịch và tha hóa con người về mặt nhân tính, trước hết là đấu tranh giành độc lập dân tộc. Vì vậy, với Hồ Chí Minh, "dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập" [2, tr.196], "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", "toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy" [6; tr.534, 3] và "không có gì quý hơn độc lập, tự do" [9; tr.130]. Với tinh thần "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" dân tộc Việt Nam đã đang và sẽ mãi đấu tranh bền bỉ và sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Độc lập, tự do là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao và coi trọng những giá trị cơ bản của quyền con người và xem đó là mục tiêu cốt yếu của cách mạng, đặt con người vào vị trí trọng tâm vì "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì" [6, tr.64] và "dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ" [6, tr.175]. Do vậy, có thể khẳng định rằng, chỉ khi nào giành và giữ vững được độc lập dân tộc, giành và giữ vững được chủ quyền quốc gia thì lúc đó mỗi dân tộc và mỗi con người mới được hưởng tự do và những quyền cơ bản của con người. Theo đó, đấu tranh giành độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là cơ sở và điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền con người cho nhân dân, cho từng cá nhân.

Như vậy, có thể nói, với kinh nghiệm lịch sử và nhãn quan khoa học của mình, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến các vấn đề chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc, xem đó là những điều kiện cơ bản để bảo đảm quyền con người ở nước ta. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam nhân dân ta đã giành được độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, quyền tự do cho con người. Điều đó đã được khẳng định trong Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta và được phát triển trong các Hiến pháp sau này. Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946 cũng đã nêu rõ: "Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành

độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ" [8, tr.366]. Trong quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam, vấn đề chủ quyền quốc gia và quyền con người luôn được coi là trọng tâm.

Ngoài ra, trong việc giải quyết những vấn đề thuộc quyền con người, Hồ Chí Minh luôn có sự gắn bó chặt chẽ giữa quyền con người, quyền công dân với nghĩa vụ công dân, quyền của cá nhân phải gắn liền với nghĩa vụ đối với cộng đồng. Tự do của mỗi người gắn liền với độc lập, tự do của Tổ quốc. Thực tế cho thấy, nhu cầu của cá nhân không thể vượt lên trên lợi ích của cộng đồng dân tộc, tách khỏi cộng đồng thì cá nhân không thể có tự do chân chính, chỉ có trong cộng đồng thì mỗi cá nhân mới có những phương tiện để phát triển toàn diện những năng lực của mình, chỉ có trong cộng đồng thì mới có thể có cá nhân tự do.

Hồ Chí Minh xác định đúng đắn mối quan hệ giữa chủ quyền quốc gia, quyền dân tộc tự quyết với việc thực hiện quyền con người của mỗi cá nhân. Người chỉ rõ: "Để xứng đáng với quyền Con người và quyền Công dân, họ còn phải làm bổn phận của họ là những Con người và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó" [3, tr.355]. Trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5-1941, Người nói: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" [1, tr.113]. Theo Hồ Chí Minh, sự nghiệp giải phóng dân tộc được tiến hành triệt để và thắng lợi bao nhiêu thì sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, giải phóng con người càng thuận lợi bấy nhiêu. Thực tế chỉ ra rằng khi giai cấp công nhân, nông dân và nhân dân lao động được hoàn toàn giải phóng cả về chính trị và kinh tế, quyền con người được thực thi thì độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia sẽ vững bền hơn bao giờ hết.

Với định hướng xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cũng cho rằng xã hội xã hội chủ nghĩa không đối lập với lợi ích cá nhân, bởi "không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa", đồng thời "lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn". Người đòi hỏi mọi người phải nhận thức được rằng lợi ích chung của dân tộc có phát triển và củng cố thì lợi ích riêng của cá nhân mới có thể phát triển và củng cố. "Lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể" [7, tr.610]. Vì vậy, lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích của dân tộc, quyết không thể đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của dân tộc.

Thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đem lại quyền tự quyết cho dân tộc và quyền lợi chính đáng của mọi người dân; lãnh đạo thành công Cách mạng tháng Tám 1945, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân... là những minh chứng đầy sức sống cho tính biện chứng trong tư tưởng của Người về chủ quyền quốc gia và quyền con người.

Đáng chú ý là, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc với quyền con người đã đi trước nhận thức chung của cộng đồng quốc tế. *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 do Người trực tiếp soạn thảo là văn kiện đầu tiên khẳng định quyền dân tộc tự quyết. Phải đến 3 năm sau Liên Hợp Quốc mới đưa vào Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và hơn hai thập kỷ sau, cụ thể phải đến năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị đã ghi nhận: "Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết". Tại Hội nghị nhân quyền thế giới ở Viên (Áo), cộng đồng quốc tế một lần nữa khẳng định: Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết... Việc khước từ quyền dân tộc tự quyết là sự vi phạm nhân quyền.

Có thể khẳng định, "không có gì quý hơn độc lập tự do" là chân lý bất hủ của mọi thời đại. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng xã hội mới ở Việt Nam và trong bối cảnh lịch sử thế giới đầy biến động, chân lý đó vẫn còn nguyên giá trị. Nó sẽ luôn nhắc nhở chúng ta phải ghi nhớ và khắc sâu bài học: Có độc lập là có tất cả, mất độc lập là mất tất cả. Cho nên, dù khó khăn đến đâu, dù trong bất kỳ tình huống nào cũng phải kiên quyết giữ cho được độc lập, chủ quyền quốc gia của dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ quyền quốc gia và quyền con người chính là chiếc chìa khóa kim chỉ nam cho hành động của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập tự do, chủ quyền quốc gia và quyền con người. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là chân lý có giá trị to lớn và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2] Võ Nguyên Giáp (2001), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[10] Hội luật gia Việt Nam (1975), *Pháp lý phục vụ cách mạng 1945 - 1975*, Hà Nội.

[11] Trần Dân Tiên (1995), *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[12] Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2006), *Nhân quyền và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về nhân quyền (Hỏi và Đáp)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.